

Bản án số: 266/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16-9-2020

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Văn Công Trọn.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bồng là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 204/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Cao Khánh N, sinh năm 1996; cư trú tại ấp R, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Việt T, sinh năm 1992; cư trú tại ấp R, xã K, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Cao Khánh N trình bày: Chị và anh Phạm Việt T tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, lối sống, thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung của chị và anh T gồm có một người tên Phạm Bảo N, sinh ngày 16/7/2016 đang ở cùng chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Cao Khánh N được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Phạm Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T được xác lập vào năm 2015, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chị N và anh T chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là có sự bất hòa nhau trong đời sống vợ chồng và không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, bản thân anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt điều đó cho thấy anh T không có thiện chí để hàn gắn. Thực tế, đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, chị N và anh T có một người con chung hiện đang ở cùng chị N, sau khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi con trong khi đó anh

T vắng mặt và không có ý kiến gì. Để không làm xáo trộn môi trường sống của con, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho chị N nuôi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng Phạm Bảo N là con chung của anh T và chị N nên anh T và chị N phải cùng có trách nhiệm, anh T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét nhu cầu thiết yếu của việc nuôi con nên buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong khi đó anh T vắng mặt và không có ý kiến gì về phần tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Cao Khánh N là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, đối với anh Phạm Việt T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị N đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Cao Khánh N ly hôn với anh Phạm Việt T.

Về con chung: Chị Cao Khánh Ngọc được quyền nuôi con tên Phạm Bảo N, sinh ngày 16/7/2016 đang ở cùng chị.

Anh Phạm Việt T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Phạm Bảo N mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ chị Cao Khánh N có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng anh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Tấn có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị N.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị N có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Cao Khánh N phải chịu 300.000 đồng, chị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003375 ngày 04/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Anh Phạm Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Hải